

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2025

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Duy Lục và bà Vũ Thị Thanh Hương

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Xuân Chín – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2024 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã V (nay là thị trấn T), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Y, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã V (nay là thị trấn T), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 21/4/2012. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình chồng được khoảng 04 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng 01 năm sau khi kết hôn, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Quá trình chung sống, anh chị đã từng nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn, thời gian cụ thể chị không nhớ chính xác nhưng vào khoảng năm 2021 và năm 2022. Tuy nhiên sau khi được gia đình khuyên bảo, dàn xếp, anh chị lại rút đơn về chung sống cùng nhau. Vợ chồng anh chị đã cố gắng để chung sống hòa thuận nhưng không được. Tháng 4 năm 2024, chị H về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Q không có con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Toà án giải quyết;

*Bị đơn anh Phạm Văn Q vắng mặt tại phiên toà:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Phạm Văn Q nhiều lần nhưng anh Q chỉ đến Tòa án làm việc vào ngày 03/01/2025. Tại buổi làm việc, anh Q trình bày: Anh và chị Lưu Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường, đến tháng 6/2024 chị H về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh và chị H không có mâu thuẫn gì, anh vẫn còn tình cảm với chị H. Khi đang làm việc, anh Q xin ra ngoài để gọi điện rồi tự ý bỏ về nên Tòa án không thể làm việc với anh Q về các nội dung liên quan khác.

Qua làm việc với ông Phạm Văn N (bố đẻ anh Phạm Văn Q) cho biết: Chị Lưu Thị H và anh Phạm Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống, anh chị nhiều lần nảy sinh mâu thuẫn, đã từng gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó gia đình khuyên bảo lại rút đơn về chung sống cùng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng không có con chung dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm. Sau đó, chị H dọn về nhà mẹ đẻ ở thị trấn T, huyện B sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Về con chung, anh Q và chị H không có con chung. Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh Q, chị H không có gì. Nay, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Q, quan điểm của ông và gia đình mong muốn anh chị về chung sống cùng nhau.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện: Chị Lưu Thị H và anh Phạm Văn Q đều có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã V (nay là thị trấn T), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã vào ngày 21/4/2012, trên

cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, chị H về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh Q. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn như thế nào, địa phương không rõ. Về con chung, anh Q và chị H không có con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác của anh chị, địa phương không rõ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lưu Thị H; xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Q. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lưu Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn Q; nơi cư trú: Thôn B, xã V (nay là thị trấn T), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh Phạm Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau. Ngoài ra, việc vợ chồng không có con chung cũng là nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn rồi lại rút đơn về chung sống cùng nhau. Điều này thể hiện anh chị đã cố gắng cho nhau cơ hội, hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống chung vẫn không được cải thiện. Chị H đã dọn về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2024 và vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình làm việc, Q và gia đình anh đều mong muốn vợ chồng anh chị về đoàn tụ, chung sống cùng nhau nhưng từ khi anh chị sống ly thân, giữa hai bên không có sự quan tâm hàn gắn tình cảm, chia sẻ, động viên nhau, không liên lạc gì với nhau. Anh Q cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn và vẫn còn tình cảm với chị H nhưng anh không có biện pháp hay hành động gì thể hiện mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q nhiều lần để tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng anh Q đều vắng mặt. Như vậy có thể thấy mong muốn vợ chồng đoàn tụ là không thực tâm. Xét thấy hôn nhân của chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh Q không có con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Lưu Thị H và anh Phạm Văn Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Q.

Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005182 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị Lưu Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Lưu Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Liên**









*Sông Lô, ngày 16 tháng 6 năm 2021*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 16 tháng 6 năm 2021

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên T.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân B; bà Nguyễn Thị H1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 09/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Xuân T1, sinh năm 1992.

Trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Chị Nghiêm Thị Q1, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKK: thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay đang cư trú tại thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Xuân T1: Xử cho anh Đỗ Xuân T1 được ly hôn chị Nghiêm Thị Q1.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nghiêm Thị Q1 được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cháu Đỗ Gia L, sinh ngày 28/12/2015 (hiện nay cháu L đang ở cùng chị Q1). Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q1. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T1 phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số

AA/2017/0009179 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Sông Lô.  
Anh T1 đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 50 phút, ngày 16 tháng 6 năm 2021.

Biên bản làm xong đã đọc lại các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Xuân Bình Nguyễn Thị H1

Nguyễn Kiên T